

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 của huyện Phú Thiện (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý).

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 156/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quyết định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của tỉnh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 156/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X-kỳ họp thứ 11 về việc quyết định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của tỉnh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐND ngày 18/3/2016 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Thiện về việc thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Phú Thiện (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý).

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - KH huyện Tại Tờ trình số 136/TTr-TCKH ngày 25/3/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 của huyện Phú Thiện (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý), với các nội dung chủ yếu như sau:

Tổng số vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020: 86.500 triệu đồng
(Tám mươi sáu tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).

Trong đó:

1. Vốn ngân sách tỉnh phân cấp cho huyện quyết định đầu tư: 59.500 triệu đồng.
2. Nguồn vốn tiền sử dụng đất, thuê đất: 27.000 triệu đồng.

3. Cơ cấu phân bổ, nguồn vốn đầu tư phát triển của các dự án trong giai đoạn 2016 - 2020 tại Phụ lục đính kèm của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý) kèm theo.

Điều 2. Căn cứ vào kế hoạch này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, các chủ đầu tư tổ chức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 của huyện Phú Thiện (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý) đã được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các Phòng: Tài chính - KH, Kinh tế - Hạ tầng, Tài nguyên - Môi trường, Nông nghiệp - PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Phú Thiện; Trưởng Ban quản lý các dự án đầu tư XDCB huyện; Đội trưởng Đội công trình đô thị huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phó CVP HĐND-UBND huyện;
- Lưu: VT, Ccv.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Anh Tuấn

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2020

NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số: 120 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Thiện)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016- 2020		Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện											
	TỔNG SỐ (A+B):					85.038	84.244	-	84.630	86.500	86.500	18.900	16.900	16.900	16.900	16.900		
A	Vốn ngân sách tỉnh phân cấp cho huyện quyết định đầu tư (11.900 tr. đồng)					53.672	53.672	-	57.120	59.500	59.500	11.900	11.900	11.900	11.900	11.900		
I	Lĩnh vực giáo dục, Đào tạo					28.073	28.073	-	25.521	25.521	25.521	4.300	6.180	5.996	4.409	4.636		
(1)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020					28.073	28.073	-	25.521	25.521	25.521	4.300	6.180	5.996	4.409	4.636		
1	Trường THCS Nguyễn Trung Trực; HM: 04 phòng chức năng	Thị trấn Phú Thiện	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 280m2; DTS: 245m2	2016		1.426	1.426		1.296	1.296	1.296	1.296						BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện
2	Trường Mầm Non Hoa Hồng (điểm mới); HM: 02 phòng chức năng (01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng giáo dục nghệ thuật); khu nhà bếp (1 phòng ăn tập thể, 1 phòng bếp, kho thực phẩm); nhà hiệu bộ (1 phòng hiệu trưởng, 1 phòng phó hiệu trưởng, 1 phòng kế toán)	Thị trấn Phú Thiện	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 130m2; DTS: 110m2 và các hạng mục phụ	2016		1.815	1.815		1.650	1.650	1.650	1.650						BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện
3	Trường Mầm Non Hoa Hồng (điểm chính); HM: Hệ thống thoát nước	Thị trấn Phú Thiện	L=107m; xây bằng đá hộc VXM mức 100, KT (bxh) = (0,4x0,6)m; đập nắp bằng tấm đan BTCT	2016		149	149		135	135	135	135						Đội công trình đô thị huyện Phú Thiện

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016- 2020		Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018			Năm 2019	Năm 2020
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)													
4	Trường Mẫu giáo Hòa Mi; HM: Khối phòng hành chính quản trị	Xã Ia Hiao	Khối phòng hành chính quản trị: 01 nhà cấp III, 01 tầng, DTXD: 139,32m2, bao gồm (01 phòng hiệu trưởng; 02 phòng các phó hiệu trưởng; 01 văn phòng trưởng; 01 phòng dành cho nhân viên) và 01 khu vệ sinh cho giáo viên, cán bộ, nhân viên, nhà cấp III, 01 tầng, DTXD: 18,705m2	2016		1.341	1.341		1.219	1.219	1.219	1.219					BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện		
5	Trường TH Thắng Lợi; HM: 02 phòng học và Khối phòng hành chính quản trị	Xã Ia Sol	02 phòng học: nhà cấp III, 01 tầng DTXD: 130m2 Khối phòng hành chính quản trị: nhà cấp III, 01 tầng DTXD: 144m2, bao gồm (02 phòng phó hiệu trưởng, phòng văn phòng, phòng y tế, phòng kho)	2017		1.507	1.507		1.370	1.370	1.370		1.370				BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện	Bố trí 51,9	
6	Trường TH Chu Văn An; HM: Nhà học 10 phòng và Nhà vệ sinh học sinh	lị trấn Phú Thiện	Nhà học 10 phòng 02 tầng DTXD: 367m2, DTS: 595m2; Nhà vệ sinh học sinh: DTXD: 30m2	2017		3.135	3.135		2.850	2.850	2.850		2.850				BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện	57% tổng vốn đầu tư	
7	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi; HM: Nhà học 08 phòng	Xã Chrôh Ponan	Nhà học 08 phòng: nhà cấp III; 02 tầng; DTXD: 280m2; Nhà vệ sinh học sinh: DTXD: 30m2	2017		2.156	2.156		1.960	1.960	1.960		1.960				BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện		

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016- 2020		Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018			Năm 2019	Năm 2020
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện													
8	Trường TH Nguyễn Tri Phương; HM: Nhà học 08 phòng	Xã Ayun Hạ	Nhà học 08 phòng: nhà cấp III; 02 tầng; DTXD: 280m2	2018		2.350	2.350		2.136	2.136	2.136			2.136			BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện	Bổ trí 50,3 8%/t ổng vốn đầu tư		
9	Trường THCS Trung Vương; HM: Nhà học 06 phòng	Xã Ia Sol	Nhà học 06 phòng: nhà cấp III, 02 tầng DTXD: 210m2	2018		1.936	1.936		1.760	1.760	1.760			1.760			BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện			
10	Trường TH Ngô Mây; HM: Nhà học 08 phòng	Thị trần Phú Thiện	Nhà học 08 phòng: nhà cấp III; 02 tầng; DTXD: 280m2; Nhà vệ sinh học sinh: DTXD: 30m2	2018		2.310	2.310		2.100	2.100	2.100			2.100			BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện			
11	Trường Mầm non thị trấn Phú Thiện; HM: Nhà học 10 phòng và và Khối phòng hành chính quản trị và các hạng mục phụ	Thị trần Phú Thiện	Nhà học 10 phòng+ Vệ sinh học sinh: Nhà 02 tầng; DTXD: 425m2; Khối phòng hành chính quản trị: nhà cấp III, 02 tầng DTXD: 130m2, bao gồm (01 phòng hiệu trưởng; 02 phòng các phó hiệu trưởng; 01 phòng văn phòng; 01 phòng hành chính quản trị, 01 phòng y tế học đường, 01 phòng nhân viên, phòng vệ sinh); phòng thường trực: nhà cấp III, 01 tầng, DTXD: 12m2; nhà để xe: DTXD: 70m2	2019		4.850	4.850		4.409	4.409	4.409				4.409		BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện	Bổ trí 37,0 5%/t ổng vốn đầu tư		

Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018			Năm 2019	Năm 2020
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện													
Trường TH Nguyễn Tri Phương; HM: Nhà làm việc khối hành chính	Xã Ayun Hạ	Khối hành chính (gồm: 02 Phòng phó hiệu trưởng, phòng họp, phòng giáo viên, văn phòng, phòng Y tế học đường, phòng truyền thống và hoạt động đội, phòng kho, phòng vệ sinh giáo viên): nhà cấp III, 02 tầng DTXD: 150m2	2020		1.230	1.230		1.118	1.118	1.118							1.118	BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện	Bố trí 38,96%/tổng vốn đầu tư
Trường TH Kpă Klong; HM: Nhà học 06 phòng; Khối phòng hành chính quản trị và hạng mục phụ	Xã Ia Peng	Nhà học 06 phòng: nhà cấp III, 02 tầng DTXD: 250m2, DTS: 435m2; Khối phòng hành chính quản trị: nhà cấp III, 01 tầng DTXD: 144m2, bao gồm (02 phòng các phó hiệu trưởng; 01 phòng văn phòng; 01 phòng kho và 01 phòng y tế học đường); Nhà vệ sinh cho giáo viên, cán bộ, nhân viên, nhà cấp III, 01 tầng, DTXD: 18,6m2	2020		3.100	3.100		2.818	2.818	2.818							2.818	BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện	
Trường Mầm non thị trấn Phú Thiện; HM: Khối phòng tổ chức ăn	Thị trấn Phú Thiện	Khối phòng tổ chức ăn: nhà cấp III, 01 tầng DTXD: 140m2	2020		770	770		700	700	700							700	BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016- 2020		Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018			Năm 2019	Năm 2020	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)														Trong đó: NS huyện
II	Lĩnh vực quản lý nhà nước					10.138	10.138	-	16.944	16.944	16.944	2.160	4.425	4.139	2.406	3.814				
(1)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020					10.138	10.138	-	16.944	16.944	16.944	2.160	4.425	4.139	2.406	3.814				
1	Chuẩn bị đầu năm năm 2017- 2021	Huyện Phú Thiện		2016- 2020					1.190	1.190	1.190	238	238	238	238	238		Bố trí 2%/h ồng vốn đầu tư		
2	Chuẩn bị đầu tư nhà ăn, nhà tiếp khách liên cơ quan; HM: Nhà ăn, nhà tiếp khách	Thị trần Phú Thiện	Nhà cấp III, 01 tầng, DTXD: 400m2 và các hạng mục phụ	2016- 2017		150	150		150	150	150	150					BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện			
3	Trụ sở HĐND-UBND huyện; HM: Nhà để xe CBVC	Thị trần Phú Thiện	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 100m2	2016		286	286		260	260	260	260					BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện			
4	Trụ sở Huyện ủy Phú Thiện; HM: Nhà để xe CBVC	Thị trần Phú Thiện	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 70m2	2016		193	193		175	175	175	175					BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện			
5	Trụ sở Ủy ban Mặt trận và các khối đoàn thể huyện Phú Thiện; HM: Nhà để xe CBVC	Thị trần Phú Thiện	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 50m2	2016		143	143		130	130	130	130					BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện			

Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện											
Hội trường chung, nhà khách huyện Phú Thiện; HM: Sửa chữa, cải tạo khu vệ sinh, hệ thống điện Hội trường chung; sửa chữa hệ thống điện Nhà khách	Thị trấn Phú Thiện		2016		270	270		245	245	245	245					Văn phòng HĐND-UBND huyện Phú Thiện	
Trụ sở làm việc Huyện ủy; HM: Sửa chữa sân mái nhà làm việc	Thị trấn Phú Thiện		2016		154	154		140	140	140	140					Văn phòng Huyện ủy Phú Thiện	
Trụ sở làm việc Đội công trình đô thị; HM: Nhà vệ sinh + nhà để xe rác	Thị trấn Phú Thiện		2016		110	110		100	100	100	100					Đội công trình đô thị huyện Phú Thiện	
Nhà cải cách hành chính xã Ia Ake; HM: Nhà cải cách hành chính và sân bê tông	Thị trấn Phú Thiện	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 88m2; DTS: 74,5m2 và sân bê tông: S=750m2	2016		528	528		480	480	480	480					UBND xã Ia Ake	
Rải thường, hỗ trợ và tái định cư, các dự án chuẩn bị đầu tư qua các năm	Huyện Phú Thiện		2016-2020					1.764	1.764	1.764	242	147	701	438	236	Hội đồng B1, H1, TĐC huyện Phú Thiện	
Hội trường HĐND - UBND xã Ia Sol; HM: Hội trường	Xã Ia Sol	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 175m2; DTS: 190m2	2017		550	550		500	500	500		500				BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện	
Nhà cải cách hành chính xã Ia Peng; HM: Nhà cải cách hành chính	Xã Ia Peng	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 88m2; DTS: 74,5m2	2017		440	440		400	400	400		400				BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bổ trí đến hết kế hoạch năm 2015	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016- 2020		Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018			Năm 2019	Năm 2020
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện													
13	Nhà cải cách hành chính xã Ia Yeng; HM: Nhà cải cách hành chính	Xã Ia Yeng	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 88m2; DTS: 74,5m2	2017		462	462		420	420	420		420					BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện		
14	Trụ sở làm việc TT- DS - KHH gia đình huyện Phú Thiện; HM: Nhà làm việc+các hạng mục phụ	Thị trấn Phú Thiện	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 255m2; DTS: 230m2 và các hạng mục phụ	2017		1.683	1.683		1.530	1.530	1.530		1.530					BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện		
15	Nhà cải cách hành chính xã Chrôh Ponan; HM: Nhà cải cách hành chính	Xã Chrôh Ponan	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 88m2; DTS: 74,5m2	2018		539	539		490	490	490			490				BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện		
16	Nhà cải cách hành chính xã Ia Hiao; HM: Nhà cải cách hành chính	Xã Ia Hiao	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 88m2; DTS: 74,5m2	2018		550	550		500	500	500			500				BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện		
17	Nhà cải cách hành chính xã Ia Piar; HM: Nhà cải cách hành chính	Xã Ia Piar	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 88m2; DTS: 74,5m2	2018		572	572		520	520	520			520				BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện		
18	Hội trường HỖND - UBND xã Chư Athai; HM: Hội trường	Xã Chư Athai	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 175m2; DTS: 190m2	2018		550	550		500	500	500			500				BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện		

Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018			Năm 2019	Năm 2020	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)														Trong đó: NS huyện
Nhà cải cách hành chính xã Chư Athai; HM: Nhà cải cách hành chính	Xã Chư Athai	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 88m2; DTS: 74,5m2	2019		594	594		540	540	540					540		BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện		
Trụ sở tiếp công dân huyện Phú Thiện; HM: Nhà tiếp công dân, thiết bị+các hạng mục phụ	Thị trấn Phú Thiện	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 388m2; DTS: 350m2	2020		2.365	2.365		2.150	2.150	2.150						2.150	BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện		
Dự phòng (2017-2020)			2017-2020					4.760	4.760	4.760		1.190	1.190	1.190	1.190			Dành 10% /tổng vốn đầu tư	
I Lĩnh vực giao thông					4.939	4.939	-	4.490	4.490	4.490	4.490	-	-	-	-				
Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020					4.939	4.939	-	4.490	4.490	4.490	4.490	-	-	-	-				
Đường Đ43 thị trấn Phú Thiện (điểm đầu đường Đ31, điểm cuối đường Đ27); HM: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	Thị trấn Phú Thiện	L=282,1m; nền đường rộng 16,0m, nền đường rộng 8,0m; kết cấu lát nhựa và hệ thống thoát nước	2016		2.354	2.354		2.140	2.140	2.140	2.140						Đội công trình đô thị huyện Phú Thiện		

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bổ trí đến hết kế hoạch năm 2015	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016- 2020		Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện												
2	Đường Đ5 thị trấn Phú Thiện (điểm đầu trường THCS Trần Quốc Toàn, điểm cuối đầu đường Đ27); HM: Nền, mặt đường và hệ thộng thoát nước	Thị trấn Phú Thiện	L=307,0m; nền đường rộng 16,0m, nền đường rộng 8,0m; kết cấu láng nhựa và hệ thống thoát nước	2016		2.585	2.585		2.350	2.350	2.350	2.350						BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện	
IV	Lĩnh vực quốc phòng, an ninh					165	165	-	150	150	150	150	-	-	-	-			
(1)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020					165	165	-	150	150	150	150	-	-	-	-			
1	Trụ sở Công an huyện Phú Thiện; HM: Nhà thăm gặp can	Thị trấn Phú Thiện	Nhà cấp III, 01 tầng, DTXD: 30m2	2016		165	165		150	150	150	150						Công an huyện Phú Thiện	
V	Lĩnh vực Thể thao					1.705	1.705	-	1.550	1.550	1.550	200	-	430	920	-			
(1)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020					1.705	1.705	-	1.550	1.550	1.550	200	-	430	920	-			
1	Sân bóng đá huyện Phú Thiện	Thị trấn Phú Thiện	S=7.150m2; dài 110m, rộng 65m; san nền, đắp đất cấp phối và lắp đặt cầu môn	2016		220	220		200	200	200	200						Đội công trình đô thị huyện Phú Thiện	
2	Khu TD-TT khu trung tâm các xã Chư Athai	Huyện Phú Thiện		2018		473	473		430	430	430			430				BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện	
3	Khu TD-TT khu trung tâm các xã (02 xã)	Huyện Phú Thiện		2019		1.012	1.012		920	920	920					920		BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện	

T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)												Trong đó: NS huyện
I	Lĩnh vực khoa học, công nghệ					-	-	600	2.980	2.980	600	595	595	595	595		Bổ trí 5%/ tổng vốn đầu tư	
)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020					-	-	600	2.980	2.980	600	595	595	595	595			
	Khoa học, công nghệ; HM: các trạm, trại thực nghiệm công nghệ giống lúa mới; chế biến sản phẩm sau thu hoạch	Huyện Phú Thiện	Công nghệ giống lúa mới; công nghệ chế biến sản phẩm sau thu hoạch	2016				600	600	600	600					Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Phú Thiện		
	Hỗ trợ Khoa học, công nghệ	Huyện Phú Thiện	Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học & công nghệ; các phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm; các trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định; các phòng thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật; các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ, các trạm, trại thực nghiệm	2017-2020					2.380	2.380		595	595	595	595	Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Phú Thiện		
I	Lĩnh vực văn hóa					7.772	7.772	-	7.065	7.065	7.065	-	700	740	2.770	2.855		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020					7.772	7.772	-	7.065	7.065	7.065	-	700	740	2.770	2.855		

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bổ trí đến hết kế hoạch năm 2015	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016- 2020		Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Gh chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018			Năm 2019	Năm 2020
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện													
1	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn (02 xã)	Huyện Phú Thiện	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 75m2; DTS: 65m2 (2 nhà)	2017		440	440		400	400	400		400				BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện			
2	Nhà văn hóa xã Ia Hiao	Xã Ia Hiao	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 98m2; DTS: 82m2 (01 nhà)	2017		330	330		300	300	300		300				BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện			
3	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn (02 xã)	Huyện Phú Thiện	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 75m2; DTS: 65m2 (2 nhà)	2018		462	462		420	420	420			420			BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện			
4	Nhà văn hóa xã Chrôh Ponan	Xã Chrôh Ponan	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 98m2; DTS: 82m2 (01 nhà)	2018		352	352		320	320	320			320			BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện			
5	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn (09 xã)	Huyện Phú Thiện	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 75m2; DTS: 65m2 (9 nhà)	2019		2.277	2.277		2.070	2.070	2.070				2.070		BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện			
6	Nhà văn hóa xã (02 xã)	Huyện Phú Thiện	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 98m2; DTS: 82m2 (2 nhà)	2019		770	770		700	700	700				700		BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện			

T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện												
	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn (09 xã)	Huyện Phú Thiện	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 75m2; DTS: 65m2 (9 nhà)	2020		2.327	2.327		2.115	2.115	2.115						2.115	BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện	
	Nhà văn hóa xã (02 xã)	Huyện Phú Thiện	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD: 98m2; DTS: 82m2 (2 nhà)	2020		814	814		740	740	740						740	BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện	
II	Lĩnh vực Y tế					880	880	-	800	800	800	-	-	-	800	-			
)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020					880	880	-	800	800	800	-	-	-	800	-			
	Nâng cấp trạm Y tế xã (02 xã)	Huyện Phú Thiện	Cải tạo, nâng cấp trạm Y tế hiện có	2019		880	880		800	800	800				800			BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện	
	Nguồn vốn tiền sử dụng đất, thuê đất					31.366	30.573		27.510	27.000	27.000	7.000	5.000	5.000	5.000	5.000			
	Lĩnh vực quản lý nhà nước					13.095	12.302	-	12.034	11.524	11.524	6.184	2.250	750	870	1.470			
)	Trả nợ XDCB, tạm ứng					1.951	1.951	-	1.951	1.951	1.951	1.951	-	-	-	-			

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bổ trí đến hết kế hoạch năm 2015	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016- 2020		Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)												Trong đó: NS huyện
1	Trả nợ tạm ứng quỹ phát triển đất của tỉnh năm 2014 ứng chi cho bồi thường HT và TĐC các dự án: Trường Mầm non Hoa Hồng thị trấn Phú Thiện; đường Đ28 thị trấn Phú Thiện; đường Đ42 thị trấn Phú Thiện)	Huyện Phú Thiện	Chi trả Bồi thường HT & TĐC các dự án thực hiện năm 2014; gồm: Trường Mầm Non Hoa Hồng thị trấn Phú Thiện: 766 triệu đồng; Đường Đ28 thị trấn Phú Thiện (đoạn Đ19 đến Đ42 và Đ20 đến Đ41): 896,183 triệu đồng; Đường Đ42 thị trấn Phú Thiện (đoạn Đ28 đến A1): 288,439 triệu đồng	2014-2015		1.951	1.951		1.951	1.951	1.951	1.951					UBND huyện Phú Thiện	
(2)	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020					2.910	2.117	-	1.451	941	941	941	-	-	-	-		
1	Hoa viên Khu trung tâm Hành chính thị trấn Phú Thiện (trước trụ sở Công an huyện); HM: Đường đi nội bộ, sân bê tông, trồng cây xanh và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật	Thị trấn Phú Thiện	S=9.450m2; đường đi nội bộ bằng lát gạch Blook, DTXD: 1.649,095m2; diện tích sân bê tông, S=1.702m2; diện tích trồng cỏ và cây xanh: 5.050,233m2 và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật	2015-2016		2.910	2.117		1.451	941	941	941					Đội công trình đô thị huyện Phú Thiện	
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020					8.234	8.234	-	8.632	8.632	8.632	3.292	2.250	750	870	1.470		
1	Tiền thu SD đất, tiền thuê đất, tiền đầu giá QSD đất trích lại 30% (sau khi trừ các khoản chi phí để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án) nộp quỹ phát triển đất của tỉnh	Thị trấn Phú Thiện		2016-2020		4.698	4.698		4.698	4.698	4.698	1.698	750	750	750	750	UBND huyện Phú Thiện	

Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)												Trong đó: NS huyện
Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Phú Thiện	Thị trấn Phú Thiện		2016		550	550		500	500	500	500					Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Phú Thiện	
Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án chuẩn bị đầu tư qua các năm	Huyện Phú Thiện		2016-2020		1.336	1.336		1.934	1.934	1.934	1.094			120	720	Hội đồng BT, HT, TĐC huyện Phú Thiện	
Nhà ăn, nhà tiếp khách liên cơ quan; HM: Nhà ăn, nhà tiếp khách	Thị trấn Phú Thiện	Nhà cấp III, 01 tầng; DTXD 400m2 và các hạng mục phụ	2017		1.650	1.650		1.500	1.500	1.500		1.500				BQL các dự án đầu tư XDCB huyện Phú Thiện	
Lĩnh vực tài nguyên & môi trường					6.292	6.292	-	4.586	4.586	4.586	816	830	830	830	1.280		
Trả nợ XDCB, tạm ứng					1.932	1.932	-	622	622	622	622	-	-	-	-		
Đo đạc bổ sung lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp GCN QSD đất khu đo chưa thành lập bản đồ địa chính của các xã trên địa bàn huyện Phú Thiện	Huyện Phú Thiện	Thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000, lập bản đồ địa chính, cấp GCN QSD đất khu đo chưa thành lập bản đồ địa chính các xã: Chư Athai, Ia Ake, Ia Piar, Chrôh Ponan, Ia Peng thuộc huyện Phú Thiện	2015		1.932	1.932		622	622	622	622					Phòng Tài nguyên & MT huyện Phú Thiện	
Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020					4.360	4.360	-	3.964	3.964	3.964	194	830	830	830	1.280		
Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Thiện	Huyện Phú Thiện		2016		213	213		194	194	194	194					Phòng Tài nguyên & MT huyện Phú Thiện	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016- 2020		Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện												
2	Đo đạc, lập bản đồ địa chính tất cả các xã trên địa bàn huyện	Huyện Phú Thiện	S=1.320ha	2017- 2020			3.168	3.168		2.880	2.880	2.880		720	720	720	720	Phòng Tài nguyên & MT huyện Phú Thiện	
3	Kiểm kê đất đai năm 2020	Huyện Phú Thiện		2020			495	495		450	450	450					450	Phòng Tài nguyên & MT huyện Phú Thiện	
4	Chỉnh lý biến động đất đai hàng năm trên địa bàn huyện Phú Thiện (10 xã thị trấn)	Huyện Phú Thiện	09 xã, 01 thị trấn Phú Thiện	2017- 2020			484	484		440	440	440		110	110	110	110	Phòng Tài nguyên & MT huyện Phú Thiện	
III	Lĩnh vực giao thông						11.484	11.484	-	10.440	10.440	10.440	-	1.470	3.420	3.300	2.250		
(1)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020						11.484	11.484	-	10.440	10.440	10.440	-	1.470	3.420	3.300	2.250		
1	Đường Đ16 thị trấn Phú Thiện; HM: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	Thị trấn Phú Thiện	L=353,2m; nền đường rộng 18,0m, nền đường rộng 9,0m; kết cấu láng nhựa và hệ thống thoát nước	2017- 2018			3.267	3.267		2.970	2.970	2.970		1.470	1.500			Đội công trình đô thị huyện Phú Thiện	
2	Đường Đ44 thị trấn Phú Thiện; HM: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	Thị trấn Phú Thiện	L=255,8m; nền đường rộng 16,0m, nền đường rộng 8,0m; kết cấu láng nhựa và hệ thống thoát nước	2018- 2019			2.673	2.673		2.430	2.430	2.430			1.920	510		Đội công trình đô thị huyện Phú Thiện	
3	Đường Đ4 thị trấn Phú Thiện; HM: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	Thị trấn Phú Thiện	L=648,2m; nền đường rộng 18,0m, nền đường rộng 10,0m; kết cấu láng nhựa và hệ thống thoát nước	2019- 2020			4.158	4.158		3.780	3.780	3.780				2.790	990	Đội công trình đô thị huyện Phú Thiện	
4	Đường Đ49 thị trấn Phú Thiện; HM: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	Thị trấn Phú Thiện	L=124,3m; nền đường rộng 18,0m, nền đường rộng 9,0m; kết cấu láng nhựa và hệ thống thoát nước	2020			1.386	1.386		1.260	1.260	1.260					1.260	Đội công trình đô thị huyện Phú Thiện	
IV	Lĩnh vực Thể thao						495	495	-	450	450	450	-	450	-	-	-		

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015	Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016- 2020		Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020						Chủ đầu tư	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Trong đó: NS huyện	Tổng số	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018			Năm 2019	Năm 2020
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện													
(1)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020					495	495	-	450	450	450	-	450	-	-	-				
1	Khu trung tâm thể dục - thể thao huyện Phú Thiện; HM: Tường rào và hệ thống thoát nước	Thị trần Phú Thiện	Tường rào kẽm gai L=658m; hệ thống thoát nước	2017		495	495		450	450	450		450				Đội công trình đô thị huyện Phú Thiện			